TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16A/2025/DS - ST
Ngày: 12/8/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Danh Thùy;

2. Bà Phan Thị Bích Hồng;

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 19/3/2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng H

Địa chỉ: 25, N, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Th, chức vụ: Tổng giám đốc;

- Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Cao Bằng - Ngân hàng H;

- Người được ủy quyền lại:

1. Ông Dương Thanh H1; *(Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).*

2. Ông Hà Anh D; *(Có mặt).*

Cùng địa chỉ: Số nhà 04, phố K, phường G, thành phố Cao Bằng *(nay là tổ dân phố G 12, phường T),* tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Long T; (*Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).*

Bà Đàm Tuyết M; *(Có mặt).*

Cùng địa chỉ: Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Văn Ch;

Địa chỉ: Số 4, hẻm 33/38 V, V1, Hà Nội;

2. Ông Nông Văn Tr;

Địa chỉ: Tổ 02, phường G1, tỉnh Cao Bằng;

3. Ông Lý Minh C;

Địa chỉ: Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/02/2024, Ngân hàng H và ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD; Các điều khoản chung và khế ước nhận nợ, Đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán/ sản phẩm- dịch vụ kèm theo.

Số HĐTD /PLHĐTD	Khế ước nhận nợ	Ngày nhận nợ	Ngày đến hạn	Số tiền phát vay (VNĐ)	Dư nợ còn lại (VNĐ)	Mục vay
4217/24MB/ HĐTD	4217/24MB/ HĐTD /KUNN01	29/02/2024	29/02/2025	2.500.000.000	2.500.000.000	Bổ sung vốn chăn nuôi

Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định cụ thể trong từng KUNN/ Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh theo thỏa thuận của hai bên trên cơ sở

Lãi suất cho vay được HD Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HD Bank trong suốt thời gian vay. Nguyên tắc điều chỉnh, các yếu tố xác định lãi suất điều chỉnh và thời điểm điều chỉnh lãi suất sẽ được quy định cụ thể trong KUNN/Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh.

Nội dung cụ thể theo Khế ước nhận nợ 4217/24MB/HĐTD /KUNN01 ngày 29/02/2024 như sau: Số tiền vay: 2.500.000.000đ *(hai tỉ năm trăm triệu đồng);* Thời hạn vay: 12 tháng; mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn chăn nuôi, thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi; Lãi suất cho vay trong hạn là 9,5%/năm.

Kèm theo Hợp đồng tín dụng, ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M ký các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L220414161655313 ngày 19/4/2022, *(chủ thẻ Đinh Long T, số thẻ 416259****1404)*; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm, dịch vụ số 01.HD-MB.01/SPCN.PTD ngày 16/10/2023, (*chủ thẻ Đàm Tuyết M, số thẻ 416259******4119)*. Đều là loại thẻ Visa Vietjet Platinum vay có tài sản bảo đảm, hạn mức 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng quy định tùy từng thời điểm (*theo Quyết định số 2241/2021/QĐ-TGĐ ngày 07/10/2021 về việc Ban hành biểu mẫu Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H).*

Cụ thể: Lãi suất được áp dụng là 17%/năm *(theo Thông báo số 214/2021/TB-TGĐ ngày 08/4/2021 của Ngân hàng về việc triển khai chương trình ưu đãi mở thẻ tín dụng dành cho khách hàng vay có tài sản bảo đảm)*; từ ngày 24/11/2022 là 24%/năm *(theo Quyết định 3111/2022/QĐ-TGĐ về điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng)*; từ ngày 12/4/2023 đến nay là 27%/năm *(theo Quyết định 939/2023/QĐ-TGĐ của ngân hàng H về ban hành lãi suất thẻ tín dụng ngân hàng H).*

Trường hợp chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu vào ngày đến hạn HDBank có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn kể từ ngày đến hạn thanh toán đó.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm và có thể được Ngân hàng H điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng H trên cơ sở phù hợp với quy định Ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ số công chứng 113, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2022 tại phòng công chứng số 1 giữa Ngân hàng H với ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng thuộc các thửa đất:

+ Thửa đất số 390a, tờ bản đồ số 09 được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 696998, số vào sổ cấp GCN: H 00901 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 17/7/2006. Ngày 09/8/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M;

+ Thửa đất số 394a, tờ bản đồ số 09 được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439760, số vào sổ cấp GCN: CS00406 do Sở Tài nguyên và môi trường C cấp ngày 16/8/2017 cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M đã vi phạm cam kết thanh toán khoản nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề nghị ông T, bà M thanh toán khoản nợ theo nội dung cam kết; gửi thông báo, công văn yêu cầu ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng ông T, bà M không thực hiện theo yêu cầu của ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng H đã có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền *(tạm tính đến ngày 20/01/2025)* là: 2.702.955.874 đồng *(Hai tỷ bảy trăm linh hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng)*, trong đó nợ gốc khoản vay: 2.500.000.000đ *(hai tỉ năm trăm triệu đồng)*, nợ lãi là: 96.718.072đ *(chín mươi sáu triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm bảy mươi hai đồng)*; nợ gốc thẻ tín dụng: 73.927.152đ *(bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi hai đồng),* nợ lãi: 32.310.650đ *(ba mươi hai triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm năm mươi đồng).* Ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Khế ước nhận nợ đã ký kết với HD Bank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay trên để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M đối với ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng bằng nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác.

Tại phiên tòa, Ngân hàng H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả lãi suất chậm trả lãi theo hợp đồng của ông T, bà M.

Yêu cầu ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền theo các hợp đồng vay *(tạm tính đến ngày 07/8/2025)* là: 2.897.752.581 *(hai tỉ tám trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng)*. Cụ thể:

+ Hợp đồng vay tín dụng: 2.777.094.174 đồng *(Hai tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu không trăm chín mươi tư nghìn một trăm bảy mươi tư đồng)*, *(trong đó, nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 120.929.790 đồng; nợ lãi quá hạn: 156.164.384 đồng).*

+ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: 120.658.407đ *(một trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm linh bảy đồng) (trong đó, nợ gốc: 63.729.803 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.184.561 đồng, nợ lãi quá hạn: 13.744.043 đồng).*

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M trình bày:

Ông T, bà M xác nhận được ký kết với Ngân hàng H Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD ngày 29/02/2024; Các điều khoản chung kiêm Khế ước nhận nợ và Đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán/ sản phẩm- dịch vụ kèm theo. Số tiền gốc vay theo hợp đồng tín dụng là 2.500.000.000đ *(Hai tỷ năm trăm triệu đồng)*, các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 63.729.803đ *(sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng).*

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp *(theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ số công chứng 113, quyển số 02/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 23/02/2022 tại phòng công chứng số 1 giữa Ngân hàng H với ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M)* là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1)*, tỉnh Cao Bằng. thuộc các thửa đất:

+ Thửa đất số 390a, tờ bản đồ số 09 được xác định theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AH 696998, số vào sổ cấp GCN: H 00901 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 17/7/2006. Ngày 09/8/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M;

+ Thửa đất số 394a, tờ bản đồ số 09 được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439760, số vào sổ cấp GCN: CS00406 do Sở Tài nguyên và môi trường C cấp ngày 16/8/2017 cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã cố gắng thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng với điều kiện kinh tế hiện nay ông bà không thực hiện được đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M xác nhận số tiền còn nợ theo số liệu Ngân hàng H cung cấp tại phiên tòa là đúng, đồng thời nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án*) gồm: Ông Nông Văn Ch, ông Nông Văn Tr, ông Lý Minh C là những người có đất giáp ranh với thửa đất ông T, bà M đã thế chấp tại Ngân hàng đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nhất trí với ranh giới thửa đất được thể hiện trong sơ đồ trích đo địa chính thửa đất của Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên nông lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh C ngày 21/5/2025. Đồng thời xác nhận không có tranh chấp đất với gia đình ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngày 21/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố C *(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng)* đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với:

Thửa đất 390a tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995);* nay là thửa đất 166, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015),* địa chỉ: Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng và tài sản gắn liền với đất.

Thửa đất 394a tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995);* nay là thửa đất 180, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015),* địa chỉ: Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng và tài sản gắn liền với đất.

Hội đồng thẩm định đã tiến hành đo đạc và xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng thực tế đất sử dụng. Xác định được diện tích hiện trạng thửa đất 390a có diện tích 231,0 m^2; thửa đất 394a có diện tích 100,3$m^{2.}$

- Thửa đất 390a có tứ cận tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp đường dân sinh;

+ Phía Nam giáp thửa 394a;

+ Phía Đông giáp đất của ông Nông Văn Ch;

+ Phía Tây giáp đất của ông Nông Văn Tr.

- Thửa đất 394a có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 390a;

+ Phía Nam giáp đường lia 2;

+ Phía Đông giáp đất của ông Lý Minh C;

+ Phía Tây giáp đất của ông Nông Văn Tr.

- Nhà ở và các công trình khác xây dựng trên thửa đất:

+ Nhà số 1: Nhà 1 tầng móng xây đá hộc, tường xây gạch chỉ 220 có trát, sơn tường điện chìm, trần thạch cao, nền lát gạch creamic, cửa nhôm kính, xà gỗ thép hộp mái lợp tôn chống nóng, công trình vệ sinh khép kín, khu bếp, bể tự hoại.

+ Nhà số 2: Nhà 1 tầng tiếp giáp đường lia 2, móng xây đá hộc, tường xây gạch chỉ 110 *(xây 3 mặt, một mặt áp nhà số 1),* bổ trụ, có trát, sơn tường, nền lát gạch đỏ, xà gỗ thép hộp, mái lợp tôn chống nóng, cửa cuốn.

+ Mái trái: *(phía sau nhà số 1)* Cột thép tròn, xà gỗ bám kèo thép hộp, mái bằng tôn chống nóng, nền lát gạch đỏ.

+ Phần ngầm khuất không nhìn thấy được sẽ do gia đình kê khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn Đinh Long T, Đàm Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025);* Căn cứ các Điều 375, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 điều 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng H, buộc bị đơn - ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M phải trả cho nguyên đơn - Ngân hàng H toàn bộ số tiền nợ tính đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử.

Đình chỉ yêu cầu về phần lãi suất chậm trả lãi mà nguyên đơn đã rút.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Tổ 03, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1)*, tỉnh Cao Bằng nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tố tụng:

Ông Nông Văn Ch, ông Nông Văn Tr và ông Lý Minh C là những người có đất giáp ranh với thửa đất mà ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M đã thế chấp tại Ngân hàng. Trích đo địa chính thửa đất của Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên nông lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh C ngày 21/5/2025 thể hiện ranh giới mốc giới thửa đất thế chấp theo hiện trạng thực tế sử dụng bị xê dịch so với ranh giới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà M. Do đó, Tòa xác định và đưa những chủ sử dụng đất giáp ranh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc:

Tại phiên toà các bên đương sự đều thừa nhận được ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD và Khế ước nhận nợ ngày 29/02/2024. Số tiền vay: 2.500.000.000đ *(Hai tỷ năm trăm triệu đồng);* Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi thanh toán mua thức ăn chăn nuôi.

Kèm theo Hợp đồng tín dụng, ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M ký Đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán/ sản phẩm- dịch vụ kèm theo gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L220414161655313 ngày 19/4/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm - dịch vụ số 01.HD-MB.01/SPCN.PTD ngày 16/10/2023, loại thẻ Visa Vietjet Platinum vay có tài sản bảo đảm, hạn mức 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ ngày 23/02/2022. Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng: 3.708.000.000đ (*ba tỉ bảy trăm linh tám triệu đồng)*. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng H đã giải ngân số tiền vay cho bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên tham gia ký kết hợp đồng tín dụng trên đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại: *Khoản 1 Điều 5*. *Trả nợ*; *Mục a khoản 2 Điều 9*. *Quyền và nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng* của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD ngày

29/02/2024; *Mục a khoản 3 Điều III. Các nội dung cam kết và thừa nhận khác* của Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4217/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 29/02/2024.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T, bà M không thanh toán được số tiền thanh toán tối thiểu vào ngày đến hạn, đã vi phạm *Mục 15.1 Điều 15. Chuyển nợ quá hạn - xử lý tài sản và thu hồi nợ* của Quyết định số 2241/2021/QĐ-TGĐ ngày 07/10/2021 về việc Ban hành biểu mẫu Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H. Do vậy, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và khóa thẻ tín dụng vào các ngày 06/9/2024 (*số thẻ 416259****1404, chủ thẻ Đinh Long T*) và ngày 12/10/2024 (*số thẻ 416259******4119, chủ thẻ Đàm Tuyết M).*

Đến nay đã quá thời hạn vay nhưng bị đơn chưa thanh toán được nợ gốc cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn xác nhận chưa trả số tiền nợ gốc đúng như nguyên đơn đã trình bày. Do đó, tính đến ngày xét xử sơ thẩm *(ngày 12/8/2025),* bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ là: 2.500.000.000đ *(hai tỉ năm trăm triệu đồng);* theo các Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 63.729.803đ *(sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng).*

[2.2] Xét yêu cầu về khoản nợ lãi:

Xét lãi suất cho vay trong hạn của các khoản vay tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận hoàn toàn phù hợp với lãi suất quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng.

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm *(12/8/2025):*

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD ngày 29/02/2024 và Khế ước nhận nợ số 4217/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 29/02/2024 là: 281.974.311đ *(hai trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm mười một đồng),* trong đó:

Lãi trong hạn: 120.929.790đ *(một trăm hai mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi đồng)*; lãi quá hạn: 161.044.521đ *(một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng).*

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L220414161655313 ngày 19/4/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán sản phẩm - dịch vụ số 01.HD-MB.01/SPCN.PTD ngày 16/10/2023 là 57.061.351đ *(năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng),* trong đó:

Lãi trong hạn: 43.184.561đ *(bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng)*; lãi quá hạn: 13.876.790đ *(mười ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi đồng).*

Đối với khoản lãi suất chậm trả lãi: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD, điểm c mục 4.3 Điều 4 của Quyết định số 2241/2021/QĐ-TGĐ, hai bên thỏa thuận "*Lãi suất chậm trả 10%/năm và có thể được H điều chỉnh theo quy định của H cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ"*. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ngân hàng đã tự nguyện rút yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả lãi đối với các khoản vay tín dụng của ông T, bà M. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của Ngân hàng, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho khách hàng nên cần được chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm *(ngày 12/8/2025)*, ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng H tổng số tiền là: **2.902.765.465đ *(hai tỉ chín trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng),*** gồm:

Nợ gốc: 2.563.729.803đ *(hai tỉ năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng).*

Tiền lãi trong hạn: 164.114.351đ *(một trăm sáu mươi tư triệu một trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng).*

Tiền lãi quá hạn: 174.921.311đ *(một trăm bảy mươi tư triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm mười một đồng).*

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp:

Xét thấy ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M đồng ý, tự nguyện thế chấp tài sản của mình tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ của bên được bảo đảm là Ngân hàng H phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Việc ký kết Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ ngày 23/02/2022 đã được các bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 4614/22MB/HĐBĐ ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng H và ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất 390a và 394a, tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995)*, nay là các thửa đất số 166 và 180, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015)* có địa chỉ tại tổ 3, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng.

Theo sơ đồ trích đo thửa đất của Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên nông lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh C ngày 21/5/2025:

+ Thửa đất số 390a, tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995),* nay là thửa số 166, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015):* Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 260m^2, diện tích thực tế 231,0m^2, địa chỉ tổ 3, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 696998, số vào sổ cấp GCN: H 00901 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 17/7/2006. Ngày 09/8/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M *(có sơ đồ kèm theo).*

Theo sơ đồ trích đo cho thấy hiện trạng sử dụng đất có một phần diện tích 0,33m^2 nằm tại phía Bắc của thửa đất trên lấn chiếm ra con đường dân sinh. Tuy nhiên, ông T, bà M đã xây tường bao và sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không xảy ra tranh chấp với ai. Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết diện tích, kích thước, ranh giới của thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất trên thực tế và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích 0,33m^2 đang lấn chiếm ra đường dân sinh. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo diện tích hiện trạng sử dụng đất trên sau khi đã trừ đi 0,33m^2 lấn chiếm ra đường dân sinh là 230,67m^2.

+ Thửa đất số 394a, tờ bản đồ số 09 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995),* nay là thửa số 180, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015),* diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 113,5m^2, diện tích thực tế 100,3m^2, địa chỉ tổ 3, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439760, số vào sổ cấp GCN: CS00406 do Sở Tài nguyên và môi trường C cấp ngày 16/8/2017 cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M *(có sơ đồ kèm theo).*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp, bên nhận thế chấp có quyền xử lý tài sản thế chấp khi*: "Đến hạn trả nợ, kể cả trường hợp H thu hồi nợ trước hạn theo hợp đồng này/Hợp đồng có nghĩa vụ bảo đảm mà Bên thế chấp không thực hiện đúng/đủ theo cam kết".*

Xét thấy quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ ngày 23/02/2022 để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

[3] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.547.287đ *(năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)*. Trong đó chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.400.000đ *(hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* và chi phí đo đạc là 3.147.287đ *(ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)*.

Ngân hàng H đã tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000đ *(mười năm triệu đồng)*. Số tiền chi phí thẩm định và chi phí đo đạc đã chi 5.547.287đ *(năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)*, bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng H. Số tiền tạm ứng chi phí còn lại 9.452.713đ *(chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng)*, ngày 12/8/2025 nguyên đơn đã nhận đủ số 9.452.713đ *(chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng)* tại Tòa án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 117, 119, 274, 275, 278, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 351, 357, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng

H số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4217/24MB/HĐTD ngày 29/02/2024, Khế ước nhận nợ và các Đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán/ sản phẩm- dịch vụ kèm theo, tính đến ngày xét xử sơ thẩm *(ngày 12/8/2025)*:

Nợ gốc: 2.563.729.803đ *(hai tỉ năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng).*

Tiền lãi trong hạn: 164.114.351đ *(một trăm sáu mươi tư triệu một trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng).*

Tiền lãi quá hạn: 174.921.311đ *(một trăm bảy mươi tư triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm mười một đồng).*

Tổng cộng số tiền ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H là 2.902.765.465đ *(hai tỉ chín trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi suất chậm trả lãi của bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4614/22MB/HĐBĐ ngày 23/02/2022 để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất:

Thửa đất số 390a, tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995),* nay là thửa số 166, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) *(bản đồ năm 2015),* diện tích

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 260m^2, diện tích thực tế 230,67m^2; địa chỉ tổ 3, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 696998, số vào sổ cấp GCN: H 00901 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 17/7/2006. Ngày 09/8/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M *(có sơ đồ kèm theo).*

Thửa đất số 394a, tờ bản đồ số 9 F-48-57- (13 -A-III) *(bản đồ năm 1995),* nay là thửa số 180, tờ bản đồ số 34 508551-4 (07) (bản đồ năm 2015), diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 113,5m^2, diện tích thực tế 100,3m^2, địa chỉ tổ 3, phường Ch, thành phố C *(nay là tổ Ch 3, phường G1),* tỉnh Cao Bằng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439760, số vào sổ cấp GCN: CS00406 do Sở Tài nguyên và môi trường C cấp ngày 16/8/2017 cho ông Đinh Long T và bà Đàm Tuyết M *(có sơ đồ kèm theo).*

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng H phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.547.287đ *(năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng).*

Ngân hàng H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000đ *(mười năm triệu đồng)* nên bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M có trách nhiệm trả lại số tiền 5.547.287đ *(năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)* cho Ngân hàng.

Xác nhận ngày 12/8/2025, Ngân hàng đã nhận đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn lại 9.452.713đ *(chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng)* tại Tòa án.

5. Án phí:

Bị đơn ông Đinh Long T, bà Đàm Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 90.055.309đ *(chín mươi triệu không trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm linh chín đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.029.558 đồng *(bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm năm mươi*

tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001236 ngày 14/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, *(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Cao Bằng).*

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự ông Hà Anh D, bà Đàm Tuyết M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự ông Dương Thanh H1, ông Đinh Long T có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa tuyên án không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có lý do có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
-VKSND Khu vực 1- Cao Bằng;
- Phòng THADS KV1-Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoài Anh